

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG NGỰ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27-11-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thị Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuấn Lam.

2. Ông Lâm Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hữu Ý - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 263/2019/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2019, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Mai Thị M, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp PT B, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Giang S, sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp PT B, xã PT A, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

3. *Người làm chứng:* Bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1954. Địa chỉ: ấp PT B, xã PT A, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21 tháng 8 năm 2019, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Mai Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh S cưới nhau năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT A. Hôn nhân do tự tìm hiểu. Sau khi cưới thì vợ chồng sống bên gia đình nhà anh S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh

phúc. Đến năm 2016, vợ chồng lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và do anh S có tình cảm với người khác, khi chị bệnh nằm viện anh S cũng không quan tâm chăm sóc, khi xuất viện chị dọn đi nơi khác ở, anh S cũng không tìm chị hàn gắn tình cảm. Nay tình cảm không còn, chung sống không hạnh phúc, chị yêu cầu ly hôn với anh S.

Về việc nuôi con: Có 02 con chung: Đỗ Như N, sinh ngày 09/02/2011 và Đỗ Quang S1, sinh ngày 19/6/2013, thống nhất giao hai con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Phạm Thị Đ trình bày: Bà là mẹ ruột anh S, mẹ chồng chị M, bà không có mâu thuẫn gì với chị M, anh S. Vợ chồng anh S, chị M tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT A. Sau khi cưới vợ chồng sống bên gia đình bà. Thời gian đầu vợ chồng chị M, anh S sống hạnh phúc, sau đó lên Thành phố Hồ Chí Minh làm việc thì phát sinh mâu thuẫn, theo bà nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M, anh S không còn tình cảm. Vợ chồng chị M, anh S không sống chung vài tháng nay. Trong thời gian chị M, anh S không sống chung thì không có gặp nhau hàn gắn tình cảm, cha mẹ hai bên cũng không có gặp nhau để hàn gắn cho chị M, anh S. Hiện nay anh S đang đi làm xa, khi Tòa án gửi các thông báo bà có nhận thay và giao lại cho anh S nhưng vì bận công việc nên anh S không đến Tòa án giải quyết ly hôn, anh S có nói với bà tùy Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Theo bà vợ chồng anh S, chị M không thể đoàn tụ được vì không còn sống chung, không còn tình cảm, cha mẹ hai bên cũng không ép được.

Về việc nuôi con: Có 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 09/02/2011 và Đỗ Quang S1, sinh ngày 19/6/2013, hiện nay hai con chung đang sống chung với ông bà nội và anh S, bà không biết ý kiến anh S về con chung như thế nào, còn bà thì có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu nội, khi nào hai cháu lớn thì muốn sống với cha hay mẹ thì tùy các cháu. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng anh S thì không có.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sau đây viết tắt là BLTTDS). Về nội dung vụ án, đề nghị: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị M với anh Đỗ Giang S. Về việc nuôi con: Giao hai cháu Đỗ Như N, sinh ngày 09/02/2011 và Đỗ Quang S1, sinh ngày 19/6/2013 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng, chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S chưa yêu cầu. Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS.

[2] Anh Đỗ Giang S là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, không có yêu cầu phản tố, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[3] Người làm chứng bà Phan Thị Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa, vắng mặt không có lý do nhưng đã có lời khai với Tòa án. Việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện của vụ án, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người làm chứng theo quy định tại khoản 2 Điều 229 của BLTTDS.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Mai Thị M thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, thống nhất giao hai con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 09/02/2011 và Đỗ Quang S1, sinh ngày 19/6/2013 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện của chị M là tự nguyện, không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu, phù hợp với quy định tại Điều 5, khoản 1 Điều 244 của BLTTDS nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân giữa chị Mai Thị M và anh Đỗ Giang S là hợp pháp vì có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PT A phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Xét yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị M là có căn cứ, vì: Chị M, anh S đã mâu thuẫn từ năm 2016, do anh S thường xuyên uống rượu thiếu sự quan tâm, chăm lo cho vợ con và có tình cảm với người phụ nữ khác. Bà Đ là mẹ ruột anh S cũng trình bày chị M, anh S không thể đoàn tụ vì không còn tình cảm với nhau, người lớn cũng không thể can thiệp được. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh S dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng không đến và không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của chị M, không thể hiện thiện chí muốn hàn gắn tình cảm. Trong hôn nhân vợ chồng cần phải thương yêu, quan tâm, chăm sóc, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng hiện nay chị M và anh S đã không còn sống chung, không còn liên hệ gì với nhau cho thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Mai Thị M với anh Đỗ Giang S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[7] Về việc nuôi con: Có 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 09/02/2011 và Đỗ Quang S1, sinh ngày 19/6/2013, hiện nay hai con chung đang sống chung với anh S. Từ trước đến nay hai cháu Như N và Quang S1 đều sống chung với anh S, cháu N có nguyện vọng sống chung với anh S. Cháu N, cháu S1 còn nhỏ đã sống ổn định bên anh S và ông bà nội, hai cháu được chăm sóc tốt, chị M hiện

nay làm việc ở Nha Trang, không thể trực tiếp chăm sóc con, đồng thời chị M thống nhất giao hai con chung cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy nên tiếp tục giao hai cháu Như N và Quang S1 cho anh S tiếp tục nuôi dưỡng để không làm thay đổi môi trường sống, tâm lý và đảm bảo quyền lợi về mặt của hai cháu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con: Do anh S không có văn bản ý kiến về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, khi nào có phát sinh yêu cầu thì anh S có quyền khởi kiện theo quy định chung.

[9] Về quyền thăm nom con chung: Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[10] Về chia tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[11] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[12] Xét, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[13] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 BLTTDS, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc nguyên đơn chị Mai Thị M chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo lai thu số 0000960 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự. Bị đơn anh Đỗ Giang S không phải chịu án phí ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 229, Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Mai Thị M. Cho chị Mai Thị M ly hôn với anh Đỗ Giang S.

2. Về việc nuôi con: Giao 02 con chung tên Đỗ Như N, sinh ngày 09/02/2011 và Đỗ Quang S, sinh ngày 19/6/2013 cho anh Đỗ Giang S tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị M không phải cấp dưỡng nuôi con do anh S không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con.

4. Về nghĩa vụ thăm nom con: Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Mai Thị M chịu 300.000 đồng án phí ly hôn được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000960 ngày 29/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (27/11/2019). Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thì Trang